

PHẦN LỊCH SỬ

CHƯƠNG 1: TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ

BÀI 1: LỊCH SỬ LÀ GÌ? (2 tiết)

Tuần 1,2: (06/9 – 11/9)

1. Lịch sử và môn Lịch sử

- Một vài ví dụ cụ thể về lịch sử:

+ Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, nay là Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Ngày 30-4-1975 là ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Đây là lịch sử vì ngày 2-9-1945, ngày 30-4-1975 đã xảy ra trong quá khứ.

2. Vì sao phải học lịch sử?

+ Học lịch sử để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước, hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước ngày nay.

+ Học lịch sử để đúc kết những bài học kinh nghiệm của quá khứ nhằm phục vụ cho hiện tại và tương lai.

3. Khám phá quá khứ từ các nguồn sử liệu

- Nguồn sử liệu (tư liệu lịch sử) là dấu tích của người xưa là ở lại với chúng ta và được lưu giữ dưới nhiều dạng khác nhau.

- Có nhiều nguồn tư liệu khác nhau như tư liệu truyền miệng, tư liệu hiện vật, tư liệu chữ viết,... Trong các nguồn tư liệu đó, có những tư liệu được gọi là tư liệu gốc.

- Đặc điểm của các nguồn sử liệu :

+ Tư liệu gốc: Đây là nguồn sử liệu có giá trị lịch sử xác thực nhất vì nó là nguồn tư liệu liên quan trực tiếp đến sự kiện lịch sử ra đời vào thời điểm diễn ra sự kiện, phản ánh sự kiện lịch sử đó.

+ Tư liệu truyền miệng: gồm nhiều thể loại như truyền thuyết, thần thoại, ca dao, dân ca,.. được truyền từ đời này qua đời khác.

+ Tư liệu chữ viết bao gồm các bản chữ khắc trên xương, mai rùa, vỏ cây, đá, các bản chép tay hay in trên giấy,... ghi chép tương đối đầy đủ mọi mặt đời sống con người và các sự kiện lịch sử đã xảy ra.

+ Tư liệu hiện vật là những dấu tích vật chất của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất như các công trình kiến trúc, các tác phẩm nghệ thuật, đồ gốm,...

CÂU HỎI

Phần 1

1/ Em hãy nêu một vài ví dụ cụ thể về lịch sử.

.....
.....
.....
.....
.....

+ Những yếu tố cơ bản về một chuyện xảy ra trong quá khứ:

- Thời gian.
- Không gian xảy ra.
- Con người liên quan tới sự kiện đó.

+ Tự đặt ra và trả lời những câu hỏi như:

Việc đó xảy ra khi nào? Ở đâu?

.....
.....
.....
.....

Xảy ra như thế nào? Vì sao lại xảy ra?

.....
.....
.....
.....

Ai liên quan đến việc đó? Việc đó có ý nghĩa và giá trị gì đối với ngày nay.

.....
.....
.....
.....

2/ quan sát Hình 1.1 và trả lời câu hỏi: Theo em, những câu hỏi nào có thể được đặt ra để tìm hiểu về quá khứ khi quan sát hình 1.1.

Phần 2 : Vì sao phải học lịch sử?

1/ Vì sao phải học lịch sử?

.....
.....
.....
.....

2/ HS quan sát Hình 1.2 SHS trang 11 và nêu suy nghĩ cá nhân về hình ảnh trên?

.....
.....
.....
.....

3/ Có ý kiến cho rằng: Lịch sử là những gì đã qua, không thể thay đổi được nên không cần thiết phải học môn Lịch sử. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Tại sao?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

4/ Em hiểu thế nào về từ “gốc tích” trong câu thơ “Dân ta phải biết sử ta/Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam” của Chủ tịch Hồ Chí Minh? Nêu ý nghĩa câu thơ.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Tuần 3 (20/9 – 25/9)

Phần 3: Khám phá quá khứ từ các nguồn sử liệu

HS đọc thông tin mục III SHS trang 12 và trả lời câu hỏi:

+ Nguồn sử liệu là gì?

.....
.....
.....
.....

+ Có những nguồn sử liệu nào?

.....
.....
.....
.....
.....

HS thảo luận theo cặp, đọc thông tin về các nguồn sử liệu và quan sát Hình 1.3 đến Hình 1.6 và trả lời câu hỏi:

+ Trình bày đặc điểm của các nguồn sử liệu? Nguồn sử liệu nào có giá trị lịch sử xác thực nhất, tại sao?

.....
.....
.....
.....

+ Hãy cho biết các hình từ Hình 1.3 đến Hình 1.6 hình nào là tư liệu gốc?

.....
.....
.....
.....

LHTT:

1/Em biết những di tích lịch sử nào ở địa phương em đang sống? Hãy kể cho cả lớp nghe về sự kiện lịch sử liên quan đến một trong những di tích đó.

.....
.....
.....
.....
.....

2/ Cửa Bắc, một công trình kiến trúc cổ, nằm trên phố Phan Đình Phùng, Hà Nội. Trên tường vẫn còn nguyên dấu vết đạn pháo của thực dân Pháp khu đánh chiếm thành Hà Nội năm 1832. Có ý kiến cho rằng nên trùng tu lại mặt thành, xoá đi những vết đạn pháo đó. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Tại sao?

Dặn dò:

.....
.....
.....

BÀI 2: THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

(Tuần 4: 27/9-2/10)

1. Âm lịch, dương lịch

- Âm lịch là cách tính thời gian theo chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất. Thời gian Mặt Trăng chuyển động hết một vòng quanh Trái Đất là một tháng.
- Dương lịch là cách tính thời gian theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời. Thời gian Trái Đất chuyển động hết một vòng quanh Mặt Trời là một năm.
- Ý nghĩa của hai câu đồng dao: từ ngày 10 trở đi, tính theo lịch âm, trăng bắt đầu tỏ (trăng náu, nhìn rõ) và ngày 16 là trăng tròn nhất (trăng treo). Hai câu đồng dao miêu tả Mặt Trăng từ ngày 10 đến ngày 16 mỗi tháng âm lịch.

2. Cách tính thời gian

- Trên thế giới cần một thứ lịch chung do xã hội loài người ngày càng phát triển, sự giao lưu giữa các nước, các dân tộc ngày càng được mở rộng, cần có nhu cầu thống nhất về cách tính thời gian.
- Người Việt Nam hiện nay đón Tết Nguyên đán theo lịch âm.
- Giải thích các khái niệm:
 - + Công lịch lấy năm 1 là năm làm năm đầu tiên của Công nguyên.
 - Trước năm đó là trước Công nguyên (Năm 179 TCN, năm 111 TCN)
 - Sau năm đó là Công nguyên (Năm 544 CN, năm 938 CN).
 - + Một thập kỉ là 10 năm. Một thế kỉ là 100 năm (Năm 544 là thế kỉ VI Công nguyên). Một thiên niên kỉ là 1000 năm (từ năm 1 đến năm 938 là gần 1 thiên niên kỉ).

CÂU HỎI CHUẨN BỊ

Phần 1: Âm lịch, dương lịch

HS đọc thông tin mục I SHS trang 15 và trả lời câu hỏi:

+ Âm lịch là gì?

.....
.....
.....

+ Dương lịch là gì?

.....
.....
.....

- HS thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi: Câu đồng dao “Mười rằm trăng náu, mười sáu trăng treo” thể hiện cách tính của người xưa theo âm lịch hay dương lịch?

.....
.....
.....
.....

Phần 2: Cách tính thời gian

+ Vì sao trên thế giới cần một thứ lịch chung?

.....
.....

+ Người Việt Nam hiện nay đón Tết Nguyên đán theo loại lịch nào?

.....
.....

- HS thảo luận theo cặp, quan sát Sơ đồ 2.4 SHS trang 16 và trả lời câu hỏi: Em hãy giải thích các khái niệm trước Công nguyên, Công nguyên, thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ.

.....
.....
.....
.....

LH TT:

Hãy cho biết những ngày lễ quan trọng của nước Việt Nam: Giỗ tổ Hùng Vương, tết Nguyên đán, ngày Quốc khánh, ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước được tính theo loại lịch nào?

.....
.....

Quan sát Hình 2.3, theo em vì sao trên tờ lịch của chúng ta có ghi thêm ngày, tháng, năm âm lịch? Có nên chỉ ghi một loại lịch là dương lịch không?

.....
.....

Dặn dò:

.....
.....
+ Từ những câu ca dao, tục ngữ được đề cập trong bài học, em hãy nêu những điều lí thú của việc học Địa lí?

.....
.....
.....
.....
- Mở rộng: Trên Trái Đất có những nơi mưa nhiều quanh năm, thảm thực vật xanh tốt; có những nơi khô nóng, vài năm không có mưa, không có loài thực vật nào có thể sinh sống. Trong cùng một thời điểm ở hai địa điểm khác nhau có cảnh sắc khác nhau, trong khi tháng 6 ở Pháp là mùa hạ thời tiết nóng, cây cối xanh tốt, mùa các loài hoa nở, thì ở Ô-xtrây-li-a thời tiết lại lạnh giá.

2. Vai trò của Địa lí trong cuộc sống

- Đọc câu chuyện Tiu-li Xmit – thiên thần bãi biển trong mục Em có biết SGK trang 111.
- Dựa vào câu chuyện trên, em hãy cho biết, Tiu-li Xmit đã tránh được sóng thần nhờ có kiến thức và kĩ năng địa lí nào?

.....
.....
.....
.....
- Đọc nội dung mục II SHS trang 112 và trả lời câu hỏi: Vai trò của kiến thức Địa lí trong cuộc sống là gì ?

II. Luyện tập và vận dụng

Em hãy sưu tầm một số câu ca dao, tục ngữ nói về mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người?

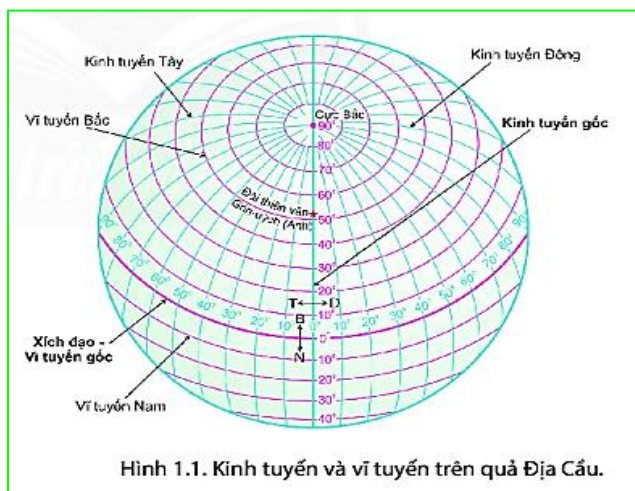
CHƯƠNG 1: BẢN ĐỒ - PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

BÀI 1: HỆ THỐNG KINH TUYẾN, VĨ TUYẾN VÀ TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ

(Tuần 1,2 – 6/9-16/9)

1. Hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến

- HS đọc nội dung mục I Hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến, Hình 1.1 SHS trang 114,115 và trả lời câu hỏi:



+ Hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến là gì?

.....
.....
.....

+ Hãy xác định: các đường kinh tuyến, kinh tuyến gốc; các đường vĩ tuyến, vĩ tuyến gốc; bán cầu Bắc, bán cầu Nam?

+ Độ dài của các kinh tuyến và vĩ tuyến như thế nào?

.....
.....

2. Tọa độ địa lí

HS đọc nội dung mục II Tọa độ địa lí SHS trang 115 và trả lời câu hỏi: Tọa độ địa lí của một địa điểm được xác định như thế nào?

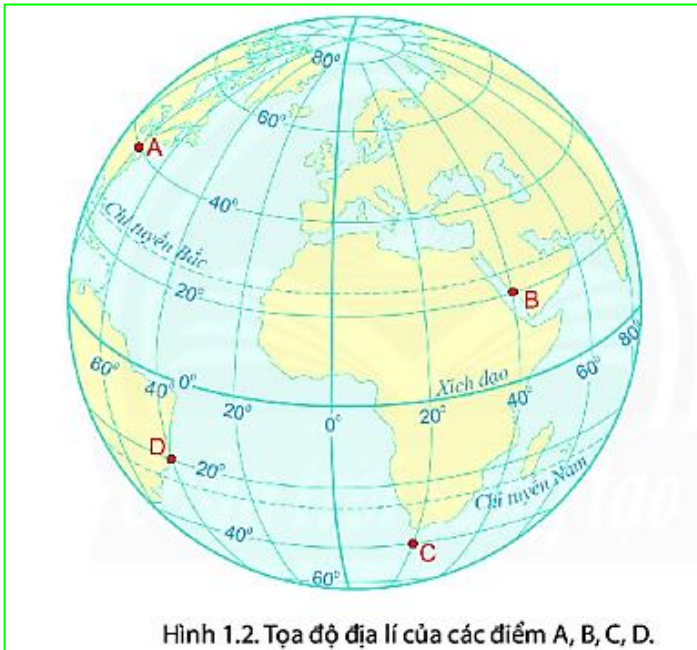
- Hướng dẫn HS:

+ Khi nêu vĩ độ của một địa điểm, cần chỉ rõ địa điểm đó nằm ở phía bắc hay phía nam của Xích đạo. Ví dụ: $23^{\circ}23'B$ là một địa điểm có vĩ độ $23^{\circ}23'$ nằm ở bán cầu Bắc.

+ Khi nêu kinh độ của một địa điểm cần chỉ rõ địa điểm đó nằm phía đông hay phía tây của kinh: tuyến gốc. Ví dụ: $105^{\circ}20'Đ$ là một địa điểm có kinh độ $105^{\circ}20'$ nằm ở phía đông kinh tuyến.

+ Khi ghi tọa độ địa lí của một địa điểm, ghi vĩ độ trước và kinh độ sau. Ví dụ: A ($23^{\circ}23'B$, $105^{\circ}20'Đ$)

Dựa vào hình 1.2, hãy ghi tọa độ địa lí của điểm A, B, C, D.



Hình 1.2. Tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

LUYỆN TẬP

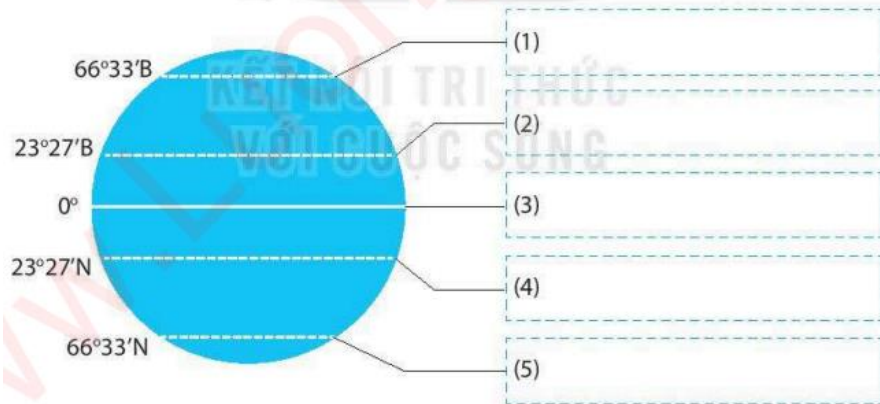
Bài 1. Cho biết nếu vẽ các đường kinh tuyến, vĩ tuyến cách nhau 1^0 thì trên quả địa cầu có bao nhiêu kinh tuyến, vĩ tuyến.

.....

.....

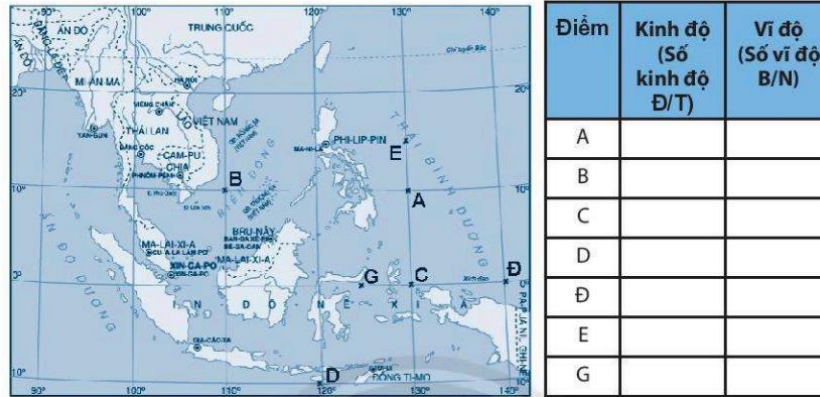
Bài 2.

Hãy chú thích cho hình sau dựa vào các dữ liệu: Xích đạo, chí tuyến Bắc, chí tuyến Nam, vòng cực Bắc, vòng cực Nam.



Bài 3.

Câu 3. Dựa vào hình 1.2, hãy xác định tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D, Đ, E, G được đánh dấu trên bản đồ.



Hình 1.2. Bản đồ các nước khu vực Đông Nam Á
(Nguồn: Địa lí 6, tr. 16, NXBGD Việt Nam, 2019)

Em hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK:

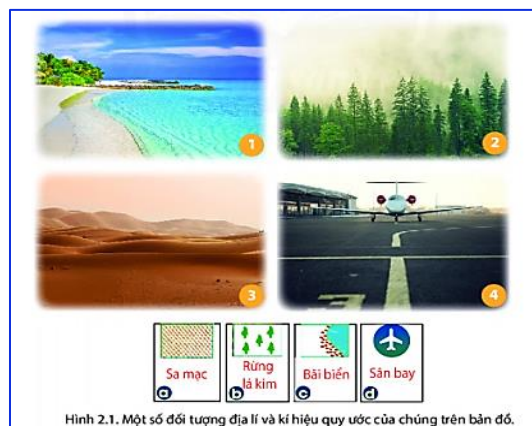
Dựa vào hình 1.4, em hãy hoàn thành các nhiệm vụ sau:

1. Miêu tả đặc điểm lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ trên.
2. Tìm trên bản đồ các vĩ tuyến và ghi vĩ độ của các vĩ tuyến đó.
 - Vòng cực Bắc, Vòng cực Nam.
 - Chí tuyến Bắc, Chí tuyến Nam.
3. Xác định tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D.

BÀI 2: KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG (Tuần 2 – 12/9-17/10)

1. Kí hiệu bản đồ và chú giải

- Đọc nội dung mục I Kí hiệu bản đồ và chú giải, Hình 2.1 SGK trang 117 và trả lời câu hỏi:



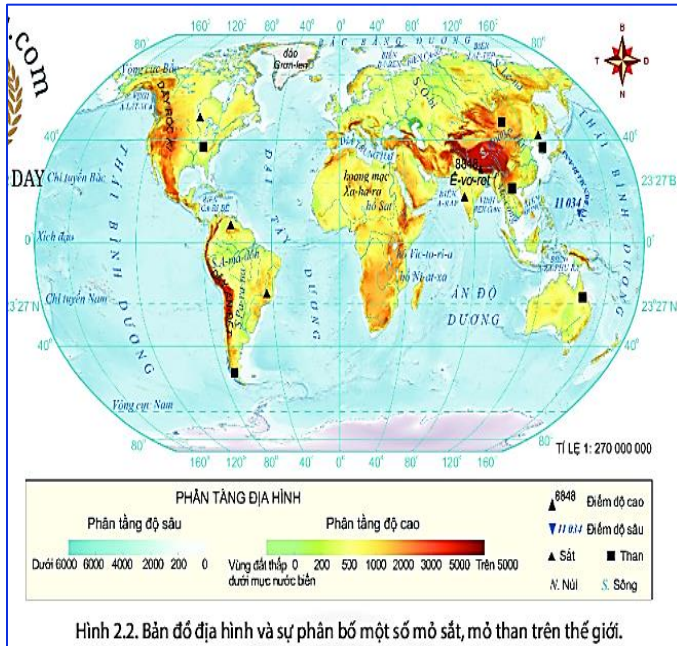
Hình 2.1. Một số đối tượng địa lí và kí hiệu quy ước của chúng trên bản đồ.

+ Kí hiệu bản đồ là gì?

.....
.....
+ Kí hiệu bản đồ có ý nghĩa gì?
.....

+ Dựa vào Hình 2.1, em hãy cho biết các kí hiệu a,b,c,d tương ứng với nội dung các hình nào (1,2,3,4).

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 2.2, Hình 2.3:



+ Xác định các yếu tố sau: bảng chú giải, kí hiệu
.....
.....

+ Cho biết, kí hiệu nào thể hiện các mỏ sắt, mỏ than? Kí hiệu nào thể hiện ranh giới của thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận?
.....
.....
.....

2. Các loại kí hiệu bản đồ

- GV yêu cầu HS đọc nội dung mục II Các loại kí hiệu bản đồ SGK trang 119 và trả lời câu hỏi:

<p>A</p> <p>Ký hiệu điểm</p>	    <p>Sân bay, cảng biển</p> <p>Nhà máy thủy điện</p> <p>Nhà máy nhiệt điện</p>
<p>B</p> <p>Ký hiệu đường</p>	   <p>Ranh giới quốc gia</p> <p>Ranh giới tỉnh</p> <p>Đường ô tô</p>
<p>C</p> <p>Ký hiệu diện tích</p>	  <p>Vùng trồng lúa</p> <p>Vùng trồng cây công nghiệp</p>

+ Ký hiệu bản đồ có những loại nào?

.....

.....

.....

+ Hệ thống ký hiệu bản đồ thường chia làm mấy loại?

.....

.....

- HS tìm hiểu trả lời các câu hỏi sau:

+ Kể tên một số đối tượng địa lí được thể hiện bằng ký hiệu điểm.

.....

.....

+ Kể tên một số đối tượng địa lí được thể hiện bằng ký hiệu đường.

.....

.....

+ Kể tên một số đối tượng địa lí được thể hiện bằng ký hiệu diện tích.

.....

.....

LUYỆN TẬP

Bài tập 1:

Dựa vào hình 2.2 và hình 2.3 em hãy:

- Xác định vị trí và độ cao của đỉnh núi Ê-vơ-rét (Everest), vị trí và độ sâu của vực biển Ma-ri-a-na (Mariana).
- Tìm dãy núi Rốc-ki (Rocky).
- Hãy xác định vị trí của sân bay Nội Bài.

Bài tập 2: Trong các yếu tố địa lí sau được thể hiện trên bản đồ, yếu tố nào sử dụng kí hiệu điểm, yếu tố nào sử dụng kí hiệu đường?

- Đường biên giới, ranh giới, sông ngòi, đường ô tô...
- Mỏ than đá, dầu mỏ, sắt, đồng...

Bài tập 3: Chú giải có ý nghĩa gì đối với bản đồ?

- A. Làm cho bản đồ trở nên sinh động
- B. Giải thích cho các kí hiệu được thể hiện trên bản đồ
- C. Bảng chú giải của bản đồ giúp chúng ta hiểu nội dung và ý nghĩa của các kí hiệu dùng trên bản đồ.
- D. Bảng chú giải giúp ta hiểu được màu sắc trên bản đồ thể hiện được kiến thức địa lí nào được thể hiện trên bản đồ.

VẬN DỤNG

? Tự làm các kí hiệu điểm, hình học, chữ bằng bì cứng (Mỗi loại kí hiệu làm khoảng 3-5 kí hiệu)

BÀI 3: TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ

(Tuần 3: 20/9-25/9)

1. Phương hướng trên bản đồ

- Đọc nội dung mục I Phương hướng trên bản đồ và Hình 3.1 SHS trang 120 và trả lời câu hỏi:



+ Trên bản đồ có những hướng chính nào?

.....
.....
.....

+ Để xác định phương hướng trên bản đồ, người ta sử dụng cách nào?

.....
.....
.....
.....

- Quan sát Hình 3.2, Hình 3.3 và hướng dẫn cho HS: Đối với những bản đồ không thể hiện lưới kinh, vĩ tuyến chúng ta cần dựa vào kim chỉ nam hoặc mũi tên chỉ hướng Bắc để xác định hướng Bắc, sau đó tìm các hướng còn lại.



Hình 3.2. Kim chỉ nam.



Hình 3.3. Mũi tên chỉ hướng Bắc.

- HS quan sát Hình 3.4 và trả lời câu hỏi:



+ Xác định vị trí của Hội trường thống nhất (Dinh Độc lập), chợ Bến Thành, nhà hát Thành phố, nhà thờ Đức Bà.

.....

.....

.....

+ Hãy cho biết Bảo tàng Hồ Chí Minh nằm ở phía nào của Hội trường Thống nhất? Bảo tàng Hồ Chí Minh nằm ở phía nào của chợ Bến Thành?

.....

.....

.....

2. Tỷ lệ bản đồ

Đọc nội dung mục II Tỉ lệ bản đồ SGK trang 121 và trả lời câu hỏi:

+ Hãy cho biết ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ?

.....
.....
.....

+ Người ta dùng cách nào để thể hiện tỉ lệ bản đồ? Cho biết sự khác nhau giữa tỉ lệ số và tỉ lệ thước?

.....
.....
.....

- GV hướng dẫn cho HS: Để tính khoảng cách trên thực địa (theo đường chim bay) dựa vào tỉ lệ bản đồ, cần thao tác như sau:

+ Đo khoảng cách giữa hai điểm trên tờ bản đồ bằng thước kẻ.

- Đọc độ dài đoạn vừa đo trên thước kẻ.

+ Dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính khoảng cách trên thực địa.

- HS hoàn thành các yêu cầu sau:

+ Câu 1: Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1 : 6 000 000, khoảng cách giữa Thủ đô Hà Nội tới thành phố Hải Phòng và thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) lần lượt là 1,5 cm và 5 cm, vậy trên thực tế hai thành phố đó cách Thủ đô Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét?

.....
.....
.....

+ Câu 2: Hai địa điểm có khoảng cách thực tế là 25 km, thì trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 500 000, khoảng cách giữa hai địa điểm đó là bao nhiêu?

.....
.....
.....

3. Tìm đường đi trên bản đồ

- HS đọc nội dung mục III Tìm đường đi trên bản đồ SHS trang 121 và trả lời câu hỏi:

+ Tác dụng của bản đồ là gì?

.....
.....
.....

+ Hãy nêu những kĩ năng để thực hành đọc bản đồ?

.....
.....
.....

- HS quan sát Hình 3.4 và trả lời câu hỏi:



+ Xác định hướng đi từ Hội trường Thống Nhất đến Nhà hát Thành phố. Sau đó từ Nhà hát Thành phố đến chợ Bến Thành.

.....

.....

.....

+ Xác định tuyến đường ngắn nhất đi từ Hội trường Thông Nhất đến chợ Bến Thành.

.....

.....

.....

LUYỆN TẬP

Quan sát hình 3.5, em hãy thực hiện những nhiệm vụ sau để đo tính khoảng cách và tìm đường đi trên bản đồ:

- 1. Cho biết với tỉ lệ 1:10 000 thì 1cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu m trên thực địa?*
- 2. Sử dụng tỉ lệ số hoặc tỉ lệ thước để đo và tính khoảng cách trên thực địa theo đường chim bay giữa các địa điểm sau (đơn vị: m):*
 - + Khoảng cách từ Bảo tàng Chứng tích chiến tranh đến Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.*
 - + Chiều dài đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ ngã tư với đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã tư với đường Lý Tự Trọng.*

VẬN DỤNG

HS thực hiện 1 bản kế hoạch đi chơi 1 ngày, ít nhất 3 điểm tham quan trong bản đồ với điểm xuất phát và kết thúc ở Bảo tàng Lâm Đồng.



TỈ LỆ 1 : 25 000 250 0 250 500 750 1 000 m

Hình 3. Một phần bản đồ du lịch thành phố Đà Lạt

CHƯƠNG 2: TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI

BÀI 5: VỊ TRÍ TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI, HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC TRÁI ĐẤT

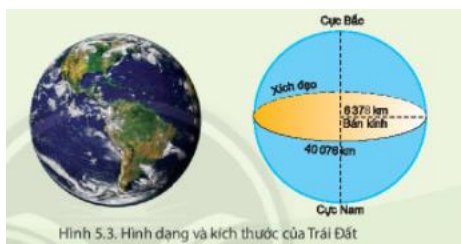
(Tuần 4: 27/9-2/10)

1. Vị trí Trái đất trong hệ Mặt trời (*học sinh tự học*)

2. Hình dạng, kích thước của Trái đất

- HS đọc nội dung mục II Hình dạng, kích thước của Trái đất, quan sát Hình 5.2, Hình 5.3 SHS trang 127 và trả lời câu

+ Trái đất có hình gì?



Hình 5.3. Hình dạng và kích thước của Trái Đất

+ Độ dài của bán kính Trái đất tại xích đạo là bao nhiêu km?

+ Độ dài đường xích đạo là bao nhiêu km?

.....

- HS quan sát quả địa cầu, đây chính là mô hình thu nhỏ của Trái đất.



- Mở rộng thêm quá trình loài người nhận thức về hình dạng của Trái đất: từ nhận thức Trái đất là mặt phẳng thời tiền sử, qua thời gian, loài người đi đến chứng minh được Trái đất có dạng khối cầu.

- GV hướng dẫn và cùng làm với HS thí nghiệm để chứng tỏ Trái đất là hình cầu. GV lấy 1 hình tròn cắt bằng giấy và lấy đèn pin soi chiếu hình tròn đó lên mặt bảng, sẽ thấy hình chiếu là các đường thẳng, cạnh không tròn như trường hợp bóng Trái đất che Mặt trăng vào đêm nguyệt thực vì vậy Trái đất có dạng khối cầu.

LUYỆN TẬP

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm/bài tập liên quan đến bài học hôm nay.

Bài 1: Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1: Trong hệ Mặt Trời, hành tinh nào sau đây xa Mặt Trời nhất ?

- A. Kim tinh.
- B. Thiên Vương tinh.
- C. Thủy tinh.
- D. Hải Vương tinh.

Câu 2: Trong hệ Mặt Trời, hành tinh nào sau đây gần Mặt Trời nhất ?

- A. Mộc tinh.
- B. Kim tinh.
- C. Thủy tinh.
- D. Thổ tinh.

Câu 3: Đứng thứ năm trong hệ Mặt Trời (tính từ trong ra) và có kích thước lớn nhất là:

- A. Mộc tinh.
- B. Hải Vương tinh.
- C. Thiên Vương tinh.
- D. Hỏa tinh.

Câu 4: Đứng thứ nhất trong hệ Mặt Trời (tính từ trong ra) và có kích thước nhỏ nhất là:

- A. Mộc tinh.
- B. Thủy tinh.

- C. Kim tinh.
- D. Thổ tinh.

*Câu 5: Nội dung nào sau đây **không** đúng với vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời?*

- A. Nằm ở vị trí thứ ba từ Mặt Trời trở ra.
- B. Nằm ở vị trí thứ ba từ ngoài trở vào Mặt Trời.
- C. Khoảng cách đến Mặt Trời là 149,6 triệu km.
- D. Khoảng cách từ Mặt Trời đến Trái Đất phù hợp cho sự sống.

Câu 6: Trái Đất có dạng hình gì ?

- A. Tròn.
- B. Cầu.
- C. Elip.
- D. Vuông.

Câu 7: Bán kính của Trái Đất là:

- A. 6378 km.
- B. 40 076 km.
- C. 510 triệu km².
- D. 149,6 triệu km.

Bài 2: Trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai ?

- A. Mặt Trời là một hệ hành tinh, gồm nhiều thiên thể.
- B. Hệ Mặt Trời là một hệ sao, với nhiều sao có khả năng tự phát sáng.
- C. Hệ Mặt Trời là một hệ sao trong dải Ngân Hà, có tám hành tinh.
- D. Mặt Trời là một ngôi sao tự phát ra ánh sáng nằm trong hệ Mặt Trời.

Bài 3: Để thuyết phục người khác rằng: Trái Đất có dạng hình khối cầu, em có thể sử dụng các dẫn chứng nào sau đây ?

- A. Ảnh chụp Trái Đất từ vệ tinh.
- B. Bóng Trái Đất che Mặt Trăng vào đêm nguyệt thực.
- C. Sơ đồ hệ Mặt Trời trong SGK.
- D. Sự tích bánh chưng, bánh giầy.

VẬN DỤNG

Bài 1: Khi đứng ở bờ biển quan sát một con tàu từ xa vào bờ, đầu tiên ta chỉ nhìn thấy ống khói, sau đó là một phần thân tàu, cuối cùng ta mới nhìn thấy toàn bộ con tàu. Dựa vào kiến thức về hình dạng của Trái Đất để giải thích hiện tượng đó.

Bài 2: Tại sao người ta phải xây dựng các đài quan sát ở ven biển ? Kể tên ba đài quan sát ven biển của nước ta.

Bài 3: Giả sử có người sinh sống ở hành tinh khác, em hãy viết một lá thư khoảng 10 dòng giới thiệu về Trái Đất của chúng ta với họ.

NẾU CÓ THẮC MẮC GÌ HS CÓ THỂ GHI LẠI NỘI DUNG VÀO PHIẾU NÀY

		<hr/> <hr/>
--	--	-------------